

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 2

Chủ đề: Phép trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Tổng cộng 152 câu)

Họ và tên:

.....

Lớp:

.....

Điểm:

...../10

Dạng 1: Tính nhẩm (40 câu)

Điền kết quả của phép tính vào chỗ trống.

11 - 2 =	11 - 3 =	11 - 4 =	11 - 5 =
11 - 6 =	11 - 7 =	11 - 8 =	11 - 9 =
12 - 3 =	12 - 4 =	12 - 5 =	12 - 6 =
12 - 7 =	12 - 8 =	12 - 9 =	13 - 4 =
13 - 5 =	13 - 6 =	13 - 7 =	13 - 8 =
13 - 9 =	14 - 5 =	14 - 6 =	14 - 7 =
14 - 8 =	14 - 9 =	15 - 6 =	15 - 7 =
15 - 8 =	15 - 9 =	16 - 7 =	16 - 8 =
16 - 9 =	17 - 8 =	17 - 9 =	18 - 9 =
11 - 5 =	12 - 6 =	13 - 8 =	14 - 7 =

Dạng 2: Tìm số còn thiếu (32 câu)

Điền số thích hợp vào chỗ trống để được phép tính đúng.

11 - = 3	 - 5 = 6	12 - = 4	 - 7 = 6
13 - = 5	 - 8 = 6	14 - = 7	 - 9 = 6
15 - = 8	 - 8 = 8	17 - = 9	 - 9 = 9
11 - = 4	 - 4 = 8	12 - = 5	 - 6 = 7
13 - = 6	 - 7 = 7	14 - = 8	 - 8 = 7
15 - = 9	 - 9 = 7	16 - = 7	 - 8 = 9
11 - = 5	 - 5 = 7	12 - = 6	 - 7 = 8
13 - = 7	 - 8 = 9	14 - = 9	 - 9 = 8

Dạng 3: Điền dấu $>$, $<$, $=$ (30 câu)

So sánh kết quả hai vế và điền dấu thích hợp vào chỗ trống.

$11 - 3 \dots\dots\dots 7$	$12 - 5 \dots\dots\dots 8$	$13 - 6 \dots\dots\dots 7$
$14 - 8 \dots\dots\dots 5$	$15 - 7 \dots\dots\dots 9$	$16 - 9 \dots\dots\dots 6$
$17 - 8 \dots\dots\dots 9$	$18 - 9 \dots\dots\dots 9$	$11 - 5 \dots\dots\dots 5$
$13 - 4 \dots\dots\dots 10$	$16 - 7 \dots\dots\dots 8$	$14 - 5 \dots\dots\dots 9$
$12 - 8 \dots\dots\dots 3$	$15 - 9 \dots\dots\dots 7$	$11 - 9 \dots\dots\dots 2$
$13 - 9 \dots\dots\dots 5$	$14 - 7 \dots\dots\dots 8$	$11 - 4 \dots\dots\dots 12 - 5$
$13 - 8 \dots\dots\dots 11 - 7$	$15 - 6 \dots\dots\dots 16 - 8$	$14 - 9 \dots\dots\dots 12 - 8$
$12 - 3 \dots\dots\dots 13 - 4$	$11 - 6 \dots\dots\dots 15 - 9$	$17 - 9 \dots\dots\dots 14 - 6$
$11 - 8 \dots\dots\dots 14 - 9$	$12 - 6 \dots\dots\dots 11 - 5$	$13 - 5 \dots\dots\dots 15 - 7$
$18 - 9 \dots\dots\dots 17 - 8$	$16 - 8 \dots\dots\dots 15 - 6$	$12 - 9 \dots\dots\dots 11 - 8$

Dạng 4: Tính giá trị biểu thức (30 câu)

Thực hiện phép tính từ trái sang phải.

$11 - 3 + 2 = \dots\dots\dots$	$12 - 5 - 3 = \dots\dots\dots$	$13 - 6 + 4 = \dots\dots\dots$
$14 - 8 - 2 = \dots\dots\dots$	$15 - 7 + 1 = \dots\dots\dots$	$16 - 9 + 3 = \dots\dots\dots$
$17 - 8 - 4 = \dots\dots\dots$	$18 - 9 + 5 = \dots\dots\dots$	$11 - 5 - 4 = \dots\dots\dots$
$12 - 7 + 3 = \dots\dots\dots$	$13 - 4 - 5 = \dots\dots\dots$	$14 - 6 + 2 = \dots\dots\dots$
$15 - 9 - 1 = \dots\dots\dots$	$16 - 8 + 2 = \dots\dots\dots$	$11 - 8 + 6 = \dots\dots\dots$
$12 - 9 + 7 = \dots\dots\dots$	$13 - 5 - 4 = \dots\dots\dots$	$14 - 5 - 3 = \dots\dots\dots$
$15 - 6 + 1 = \dots\dots\dots$	$17 - 9 + 2 = \dots\dots\dots$	$11 - 7 - 2 = \dots\dots\dots$
$12 - 6 + 4 = \dots\dots\dots$	$13 - 9 + 5 = \dots\dots\dots$	$14 - 9 + 3 = \dots\dots\dots$
$15 - 8 - 2 = \dots\dots\dots$	$16 - 7 - 4 = \dots\dots\dots$	$11 - 2 - 5 = \dots\dots\dots$
$12 - 8 + 6 = \dots\dots\dots$	$13 - 7 - 3 = \dots\dots\dots$	$14 - 7 + 2 = \dots\dots\dots$

Dạng 5: Bài toán có lời văn (10 câu)

Đọc kỹ đề bài, viết bài giải vào các dòng kẻ bên dưới.

Bài 1: Có 15 quả táo, em ăn đi 7 quả. Hỏi còn lại bao nhiêu quả táo?

Bài 2: Lớp có 14 bạn tham gia văn nghệ, trong đó có 6 bạn nữ. Hỏi có bao nhiêu bạn nam tham gia?

Bài 3: Trên cành cây có 12 con chim. Sau một lúc có 5 con bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?

Bài 4: Cửa hàng có 17 chiếc xe đạp, hôm nay cửa hàng đã bán được 8 chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại mấy chiếc xe đạp?

Bài 5: Mẹ mua về 11 quả trứng, mẹ dùng 4 quả để làm bánh quy. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?

Bài 6: Nam gấp được 13 ngôi sao giấy, Nam đem tặng cho em gái 5 ngôi sao. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu ngôi sao?

Bài 7: Bình có 16 viên bi, khi chơi Bình bị thua mất 7 viên bi. Hỏi Bình hiện đang còn bao nhiêu viên bi?

Bài 8: Trong hộp có 18 cái kẹo, cô giáo chia cho các bạn 9 cái. Hỏi trong hộp còn mấy cái kẹo?

Bài 9: Một cành hoa hồng có 15 bông, qua vài ngày đã có 8 bông bị héo. Hỏi cành hoa còn lại bao nhiêu bông tươi?

Bài 10: Bể cá nhà Lan có 14 con cá, bố vớt ra 5 con để chuyển sang bể khác. Hỏi trong bể cũ còn bao nhiêu con cá?

Dạng 6: Tính theo sơ đồ mũi tên (10 câu)

Thực hiện phép tính theo chiều mũi tên và điền kết quả vào ô trống.

Câu 1: $\boxed{11} \xrightarrow{-3} \boxed{} \xrightarrow{-2} \boxed{}$

Câu 2: $\boxed{12} \xrightarrow{-5} \boxed{} \xrightarrow{+4} \boxed{}$

Câu 3: $\boxed{13} \xrightarrow{-8} \boxed{} \xrightarrow{-1} \boxed{}$

Câu 4: $\boxed{14} \xrightarrow{-6} \boxed{} \xrightarrow{+2} \boxed{}$

Câu 5: $\boxed{15} \xrightarrow{-9} \boxed{} \xrightarrow{+3} \boxed{}$

Câu 6: $\boxed{16} \xrightarrow{-7} \boxed{} \xrightarrow{-4} \boxed{}$

Câu 7: $\boxed{17} \xrightarrow{-8} \boxed{} \xrightarrow{+5} \boxed{}$

Câu 8: $\boxed{18} \xrightarrow{-9} \boxed{} \xrightarrow{-3} \boxed{}$

Câu 9: $\boxed{11} \xrightarrow{-5} \boxed{} \xrightarrow{+6} \boxed{}$

Câu 10: $\boxed{12} \xrightarrow{-4} \boxed{} \xrightarrow{-5} \boxed{}$